

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2022/DS-PT
Ngày: 19-12-2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Thành P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đường Đ, khu phố H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1979 (theo Giấy ủy quyền số 002345 ngày 17/5/2022) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn anh Đỗ Thành P, ủy quyền cho chị Lê Thị H trình bày:

Ngày 15/3/2021, anh P có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng trả vốn, trả lãi hàng tháng vào ngày 15 tây. Khi vay hai bên có làm Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 002313 ngày 15/3/2021 tại Văn phòng Công chứng P1 đối với thửa số 560, tờ bản đồ BDC1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01020 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 24/9/2012 cho bà Nguyễn Thị L. Anh P đã giao đủ số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà L theo biên nhận ngày 15/3/2021 có bà L ký tên và lãn tay. Khi vay thỏa thuận nếu 02 tháng không đóng lãi thì có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tuy nhiên sau khi vay bà L không thực hiện đúng theo thỏa thuận, không trả lãi và vốn mặc dù đã liên hệ đòi nhiều lần nhưng bà L né tránh. Nay yêu cầu Tòa án buộc bà L trả cho anh P 1.300.000.000 đồng tiền vốn và 273.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.573.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh P sẽ trả lại cho bà L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01020 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 24/9/2012 khi bà L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà L không trả đề nghị xử lý tài sản thế chấp là đất và nhà diện tích 204,98m² nêu trên để cân trừ nợ.

Ngày 23/8/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Thành P số tiền vay còn nợ là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 187.410.000 đồng, lãi suất 10%/năm. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Anh Đỗ Thành P sẽ trả lại cho bà L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01020 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 24/9/2012 khi bà L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Ngày 15/3/2021, bà có vay của anh P số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng trả vốn, lãi suất 3%/tháng. Khi vay hai bên có làm Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 002313 ngày 15/3/2021 tại Văn phòng Công chứng P1 đối với thửa số 560, tờ bản đồ BDC1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01020 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 24/9/2012 cho bà. Bà có ký tên và lãn tay vào Hợp đồng vay thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 002313 ngày 15/3/2021 tại Văn phòng Công chứng P1 và biên nhận ngày 15/3/2021. Tuy nhiên, thực tế bà chỉ nhận 940.000.000 đồng, do tiền lãi vay 01 năm từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/3/2022 là 360.000.000 đồng cộng vào tiền vay nên hợp đồng vay ghi số tiền vay là 1.300.000.000 đồng, thực chất là có 300.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn lại là 60.000.000 đồng thì trả bên ngoài được cân trừ vào số tiền vay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà có ý kiến như sau:

Bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 1.300.000.000 đồng theo hợp đồng vay, không đồng ý trả lãi do trong số tiền trên đã có tiền lãi. Yêu cầu nguyên

đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên cho bà khi bà thực hiện xong việc trả nợ. Trường hợp bà không có khả năng trả nợ đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 238, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thành P.

Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Thành P số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) vốn gốc và 187.410.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 1.487.410.000 đồng (một tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Đỗ Thành P và bà Nguyễn Thị L như sau: Anh Đỗ Thành P trả lại cho bà Nguyễn Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01020 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 24/9/2012, khi bà L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 06/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tổng số tiền bị đơn đã vay và số tiền lãi của hợp đồng vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Hợp đồng vay tiền và biên nhận ngày 15/3/2021 thể hiện bà L có vay của anh P số tiền 1.300.000.000 đồng và bà L cũng đồng ý trả số tiền trên, nhưng không đồng ý trả lãi vì cho rằng trong số tiền

1.300.000.000 đồng đã có 300.000.000 tiền lãi, nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Đỗ Thành P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L trả tiền vay còn nợ là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh P với bị đơn bà L là đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà L đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tổng số tiền bị đơn đã vay và số tiền lãi của hợp đồng vay.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà L: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 002313 ngày 15/3/2021 tại Văn phòng Công chứng P1 và biên nhận đề ngày 15/3/2021 thể hiện bà L có vay của anh P số tiền vốn là 1.300.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất cho phép. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L thống nhất số tiền vay gốc còn nợ theo Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất công chứng và biên nhận đề ngày 15/3/2021; bà L đồng ý trả cho anh P số tiền vốn là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Bà L kháng cáo cho rằng trong số tiền 1.300.000.000 đồng là bao gồm số tiền lãi 360.000.000 đồng, thực chất tiền vốn bà vay chỉ có 940.000.000 đồng. Tại Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 002313 ngày 15/3/2021 tại Văn phòng Công chứng P1 và biên nhận đề ngày 15/3/2021 bà L thừa nhận bà ký tên chỉ thể hiện số tiền vốn vay là 1.300.000.000 đồng không thể hiện gì về số tiền lãi 360.000.000 đồng như bà L trình bày và từ khi vay đến nay bà L thừa nhận chưa trả cho anh P khoản tiền vốn hay tiền lãi nào. Do đó án sơ thẩm đã xét xử buộc bà L trả cho anh P số tiền vốn vay 1.300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày cho vay 15/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 10 %/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự và

Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 238, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thành P.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Thành P số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) vốn gốc và 187.410.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 1.487.410.000 đồng (một tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Đỗ Thành P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Đỗ Thành P và bà Nguyễn Thị L như sau: Anh Đỗ Thành P trả lại cho bà Nguyễn Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01020 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 24/9/2012, khi bà L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2/ Về án phí:

Anh Đỗ Thành P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.595.000 đồng theo biên lai thu số 0006796 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền